

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trụ sở: đường H, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc D - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch và Kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ Đông Gia Lai. Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 và Giấy ủy quyền số: 221/NHNoĐĐĐ-TH/GUQ ngày 28/7/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Thanh, sinh ngày 04/01/2004. Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho chị Trần Thị T (cha, mẹ): Ông Trần Hữu P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Kim Hsinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng N Việt Nam (sau đây còn gọi là nguyên đơn) - thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ Đông Gia Lai có cho ông Trần Hữu P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968 (sau đây còn gọi là bị đơn) vay tại Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 với số tiền là 450.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thỏa thuận: Thời hạn vay là 36 tháng (từ 12/4/2020 - 12/4/2022), mục đích vay cải tạo hệ thống tưới, sửa kho, làm sân, tường rào, lãi suất vay 12%/năm, thời hạn trả nợ gốc chia thành 03 kỳ (kỳ 1: đến ngày 12/4/2020 trả 20 triệu đồng; kỳ 2: đến 12/4/2021 trả 20 triệu đồng; kỳ 3: đến 12/4/2021 trả 410 triệu đồng), thời hạn trả lãi 3 tháng/kỳ vào ngày 25 của tháng thứ 3.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn đã thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 040403/HĐTC được công chứng ngày 01/03/2018.

Sau khi vay tiền thì bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 13/8/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) với số tiền là: 493.604.384 đồng, trong đó: Nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 43.200.000, nợ lãi quá hạn là 404.384 đồng. Trường hợp bị đơn không trả hết nợ gốc và nợ lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng trên thì nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản do bị đơn thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 040403/HĐTC được công chứng ngày 01/03/2018 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để xem xét.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

+ Buộc nguyên đơn chịu chi phí tố tụng về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 thể hiện, bên vay (bị đơn) không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng (vay cải tạo hệ thống tưới, sửa kho, làm sân, tường rào) và bị đơn có địa chỉ tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 (bút lục 04 - 06) và các tài liệu khác do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ, thể hiện như sau: Ngân hàng N Việt Nam (sau đây còn gọi là nguyên đơn) - thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đăk Đoa Đông Gia Lai có cho ông Trần Hữu P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968 (sau đây còn gọi là bị đơn) vay tại Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 với số tiền là 450.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thỏa thuận: Thời hạn vay là 36 tháng (từ 12/4/2020 - 12/4/2022), mục đích vay cải tạo hệ thống tưới, sửa kho, làm sân, tường rào, lãi suất vay 12%/năm, thời hạn trả nợ gốc chia thành 03 kỳ (kỳ 1: đến ngày 12/4/2020 trả 20 triệu đồng; kỳ 2: đến 12/4/2021 trả 20 triệu đồng; kỳ 3: đến 12/4/2021 trả 410 triệu đồng), thời hạn trả lãi 3 tháng/kỳ vào ngày 25 của tháng thứ 3.

Sau khi vay tiền bị đơn vi phạm thời hạn trả lãi, trả không đúng thời hạn đã cam kết, nhưng tính đến ngày xét xử (ngày 14/8/2020) bị đơn mới trả cho nguyên đơn được 29.441.097 đồng (cụ thể: ngày 15/7/2019 trả lãi 5.473.973 đồng, ngày 16/8/2019 trả lãi 10.060.274, ngày 13/02/2020 trả lãi 13.906.850 đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên nên gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 tính đến ngày 14/8/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) với số tiền là: 493.604.384 đồng, trong đó: Nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 43.200.000, nợ lãi quá hạn là 404.384 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Khi vay tại Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 040403/HĐTC được công chứng

ngày 01/03/2018 (bút lục 07 - 10), tài sản gồm: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 88a, tờ bản đồ số 32, diện tích 250m², trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 160m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 087257 do UBND huyện Đ cấp ngày 15/10/2001 đứng tên hộ ông Trần Hữu P và xác nhận tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã K, huyện Đ tỉnh Gia Lai ngày 01/03/2018 - bút lục 14 - 16). Nguyên đơn yêu cầu trường hợp bị đơn không trả hết nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì yêu cầu xử lý tài sản bị đơn thế chấp ở trên để thu hồi nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên phải chịu chi phí tố tụng này, với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp với số tiền là 5.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam (còn gọi là nguyên đơn). Buộc ông Trần Hữu P và bà Nguyễn Thị Kim H (còn gọi bị đơn) thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 tính đến ngày 14/8/2020 với số tiền là: 493.604.384 đồng, trong đó: Nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 43.200.000, nợ lãi quá hạn là 404.384 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5012LAV201901142 ngày 12/4/2019 kể từ ngày 15/8/2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ gốc và lãi như trên cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản do bị đơn thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 040403/HĐTC được công chứng ngày 01/03/2018, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 88a, tờ bản đồ số 32, diện tích 250m², trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 160m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 087257 do UBND huyện Đ cấp ngày 15/10/2001 và xác nhận tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai ngày 01/03/2018) để thu hồi nợ

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc ông Trần Hữu P và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm với số tiền (làm tròn số) là 23.744.175 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.381.698 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005357 ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí tố tụng:

Căn cứ Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng về việc yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn có nghĩa vụ trả thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Xuân Hòa